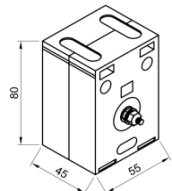
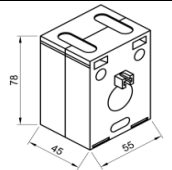
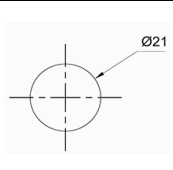
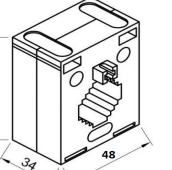
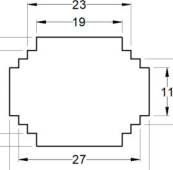
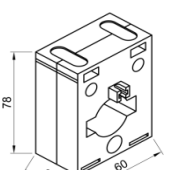
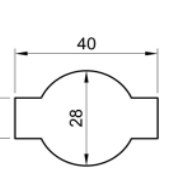
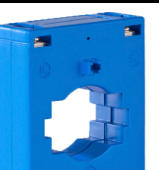
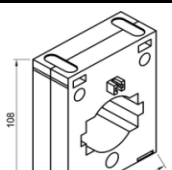
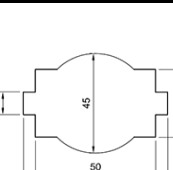
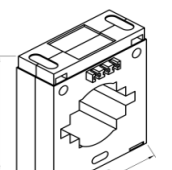
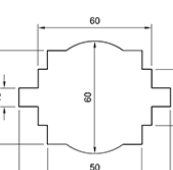
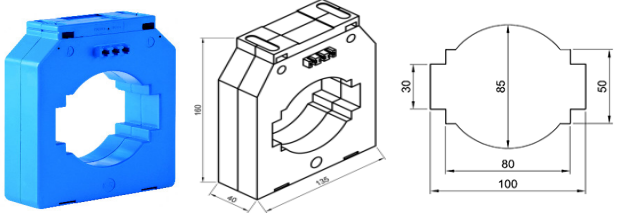
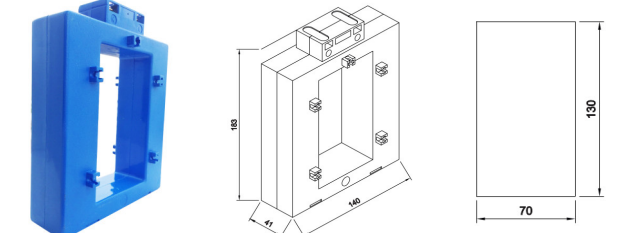
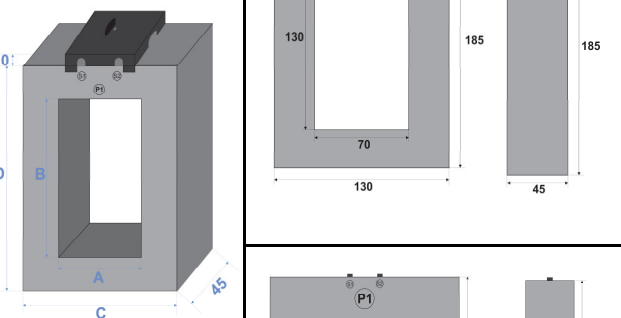
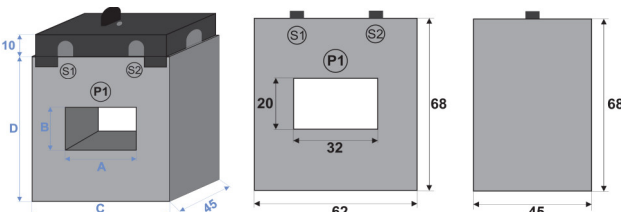


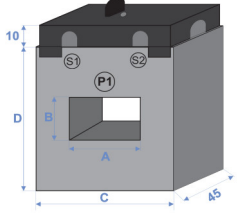
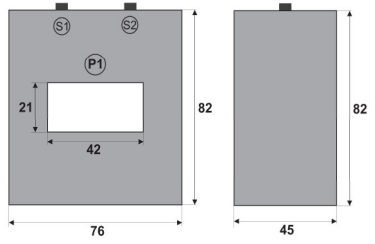
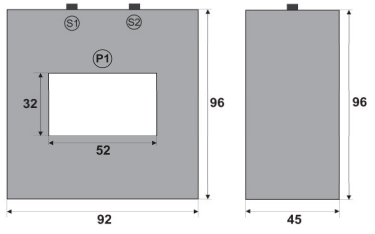
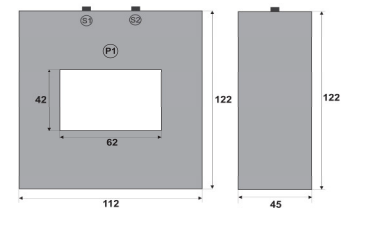
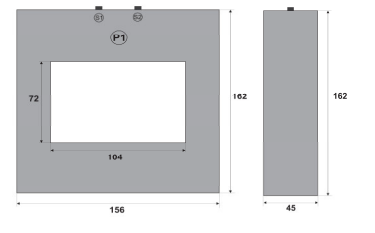
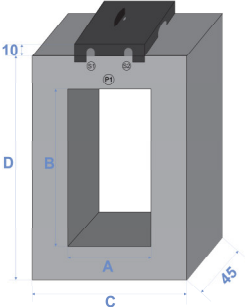
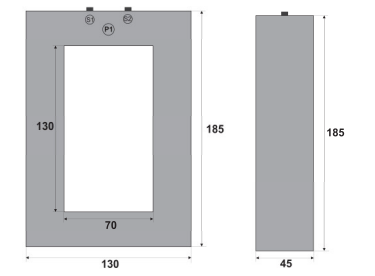
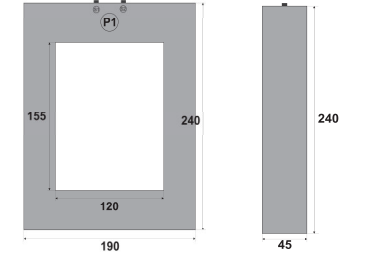


Áp dụng từ ngày 01/05/2023

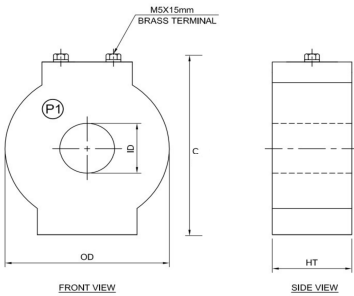
MCT - BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG VỎ NHỰA

Mô tả	Mã hàng	Tỉ số (Ratio)	VA / Class	Đơn giá (VND) chưa VAT
 	PE WPL.5	5/5A	5 / 1	360,000
	PE WPL.10	10/5A	5 / 1	360,000
	PE WPL.15	15/5A	5 / 1	360,000
	PE WPL.20	20/5A	5 / 1	360,000
	PE WPL.25	25/5A	5 / 1	360,000
	PE WPL.30	30/5A	5 / 1	360,000
	PE WPL.40	40/5A	5 / 1	360,000
  	PE201.50	50/5A	1.5 / 3	236,000
  	PE301.100	100/5A	1 / 1	142,000
	PE301.150	150/5A	1 / 1	142,000
	PE301.200	200/5A	2.5 / 1	142,000
	PE301.250	250/5A	2.5 / 1	142,000
	PE301.300	300/5A	2.5 / 1	142,000
	PE301.400	400/5A	5 / 1	142,000
	PE301.500	500/5A	5 / 1	142,000
  	PE401.400	400/5A	5 / 1	173,000
	PE401.500	500/5A	7.5 / 1	173,000
	PE401.600	600/5A	7.5 / 1	173,000
	PE401.800	800/5A	7.5 / 1	182,000
  	PE601.800	800/5A	15 / 1	282,000
	PE601.1000	1000/5A	15 / 1	282,000
	PE601.1200	1200/5A	15 / 1	300,000
  	PE801.1200	1200/5A	15 / 1	448,000
	PE801.1600	1600/5A	15 / 1	448,000

Kích thước	Mã hàng	Tỉ số (Ratio)	VA / Class	Đơn giá (VND) chưa VAT
	PE1001.1600	1600/5A	30 / 1	600,000
	PE1001.2000	2000/5A	30 / 1	600,000
	PE1001.2500	2500/5A	30 / 1	660,000
	PE1001.3000	3000/5A	30 / 1	710,000
	PE1001.4000	4000/5A	30 / 1	850,000
	PE1002.2500	2500/5A	30 / 0.5	950,000
	PE1002.3000	3000/5A	30 / 0.5	980,000
	PE1002.4000	4000/5A	30 / 0.5	1,050,000
MCT - BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG EPOXY DẠNG VUÔNG (RBP)				
	RBM137.3000	3000/5A	15 / 1	720,000
	RBM137.3200	3200/5A	15 / 1	720,000
	RBM137.4000	4000/5A	15 / 1	720,000
	RBM137.5000	5000/5A	15 / 1	720,000
	RBM137.6000	6000/5A	15 / 1	720,000
	RBM137.6300	6300/5A	15 / 1	720,000
	RBM1512-4000	4000/5A	30 / 1	1,000,000
	RBM1512-5000	5000/5A	30 / 1	1,000,000
	RBM1512-6000	6000/5A	30 / 1	1,000,000
	RBM1512-6300	6300/5A	30 / 1	1,000,000
PCT - BIẾN DÒNG BẢO VỆ EPOXY DẠNG VUÔNG (RBP)				
Mô tả	Mã hàng	Tỉ số (Ratio)	VA / Class	Đơn giá VND (chưa VAT)
	RBP32-100	100/5A	2.5 / 5P10	450,000
	RBP32-150	150/5A	2.5 / 5P10	450,000
	RBP32-200	200/5A	2.5 / 5P10	450,000
	RBP32-250	250/5A	2.5 / 5P10	450,000
	RBP32-300	300/5A	2.5 / 5P10	450,000
	RBP32-400	400/5A	2.5 / 5P10	450,000

Mô tả		Mã hàng	Tỉ số (Ratio)	VA / Class	Đơn giá VND (chưa VAT)
		RBP42-250	250/5A	5 / 5P10	480,000
		RBP42-300	300/5A	5 / 5P10	480,000
		RBP42-400	400/5A	5 / 5P10	480,000
		RBP42-500	500/5A	5 / 5P10	480,000
		RBP42-600	600/5A	5 / 5P10	480,000
		RBP42-630	630/5A	5 / 5P10	480,000
		RBP53-600	600/5A	5 / 5P10	500,000
		RBP53-630	630/5A	5 / 5P10	500,000
		RBP53-800	800/5A	5 / 5P10	500,000
		RBP53-1000	1000/5A	15 / 5P10	500,000
		RBP53-1200	1200/5A	15 / 5P10	500,000
		RBP53-1250	1250/5A	15 / 5P10	500,000
		RBP64-1000	1000/5A	15 / 5P10	525,000
		RBP64-1200	1200/5A	15 / 5P10	525,000
		RBP64-1250	1250/5A	15 / 5P10	525,000
		RBP64-1500	1500/5A	15 / 5P10	525,000
		RBP64-1600	1600/5A	15 / 5P10	525,000
		RBP107-1600	1600/5A	15 / 5P10	660,000
		RBP107-2000	2000/5A	15 / 5P10	660,000
		RBP107-2500	2500/5A	15 / 5P10	660,000
		RBP107-3000	3000/5A	15 / 5P10	660,000
		RBP107-3200	3200/5A	15 / 5P10	660,000
Mô tả		Mã hàng	Tỉ số (Ratio)	VA / Class	Đơn giá VND (chưa VAT)
		RBP137-3000	3000/5A	15 / 5P10	880,000
		RBP137-3200	3200/5A	15 / 5P10	880,000
		RBP137-4000	4000/5A	15 / 5P10	880,000
		RBP137-5000	5000/5A	15 / 5P10	880,000
		RBP137-6000	6000/5A	15 / 5P10	880,000
		RBP137-6300	6300/5A	15 / 5P10	880,000
		RBP1512-4000	4000/5A	30 / 5P10	1,500,000
		RBP1512-5000	5000/5A	30 / 5P10	1,500,000
		RBP1512-6000	6000/5A	30 / 5P10	1,500,000
		RBP1512-6300	6300/5A	30 / 5P10	1,500,000

PCT - BIẾN DÒNG BẢO VỆ EPOXY DẠNG TRÒN (RCP)

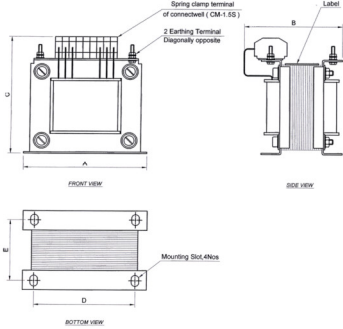
Mô tả	ID x OD x C x HT	Mã hàng	Tỉ số (Ratio)	VA / Class	Đơn giá VND (chưa VAT)
 	30 x 110 x 145 x 75	PE-RCP01	100/5A	5 / 5P10	920,000
	30 x 110 x 145 x 60	PE-RCP02	150/5A	5 / 5P10	870,000
	45 x 110 x 145 x 60	PE-RCP03	200/5A	5 / 5P10	800,000
	45 x 110 x 145 x 50	PE-RCP04	250/5A	5 / 5P10	800,000
	45 x 110 x 145 x 45	PE-RCP05	300/5A	5 / 5P10	724,000
	60 x 130 x 165 x 50	PE-RCP06	400/5A	5 / 5P10	600,000
	60 x 140 x 165 x 45	PE-RCP07	500/5A	5 / 5P10	700,000
	60 x 130 x 165 x 45	PE-RCP08	600/5A	5 / 5P10	700,000
	90 x 150 x 185 x 65	PE-RCP09	800/5A	15 / 5P10	1,000,000
	90 x 150 x 185 x 80	PE-RCP10	1000/5A	15 / 5P10	1,000,000
	90 x 150 x 185 x 75	PE-RCP11	1200/5A	15 / 5P10	1,000,000
	90 x 150 x 185 x 60	PE-RCP12	1600/5A	15 / 5P10	1,184,000
	125 x 190 x 225 x 50	PE-RCP13	2000/5A	15 / 5P10	1,184,000
	125 x 190 x 225 x 60	PE-RCP14	2500/5A	15 / 5P10	1,000,000
	125 x 190 x 225 x 65	PE-RCP15	3000/5A	15 / 5P10	1,460,000
	125 x 210 x 245 x 45	PE-RCP16	4000/5A	15 / 5P10	1,550,000
	160 x 240 x 275 x 45	PE-RCP17	5000/5A	15 / 5P10	1,880,000
	160 x 240 x 275 x 45	PE-RCP18	6000/5A	15 / 5P10	2,400,000

ĐỒNG HỒ VOLT, AMPE, CHUYỂN MẠCH

Mô tả	Mã hàng	Tỉ số (Ratio)	Class	Đơn giá VND (chưa VAT)
	PE96.500V	500V - AC	1.5	142,000
	PE96.50/5A	50/5A	1.5	142,000
	PE96.100/5A	100/5A	1.5	142,000
	PE96.150/5A	150/5A	1.5	142,000
	PE96.200/5A	200/5A	1.5	142,000
	PE96.250/5A	250/5A	1.5	142,000
	PE96.300/5A	300/5A	1.5	142,000
	PE96.400/5A	400/5A	1.5	142,000
	PE96.500/5A	500/5A	1.5	142,000
	PE96.600/5A	600/5A	1.5	142,000
	PE96.630/5A	630/5A	1.5	142,000
	PE96.800/5A	800/5A	1.5	142,000
	PE96.1000/5A	1000/5A	1.5	142,000
	PE96.1200/5A	1200/5A	1.5	142,000

Mô tả	Mã hàng	Tỉ số (Ratio)	Class	Đơn giá VND (chưa VAT)
	PE96.1250/5A	1250/5A	1.5	142,000
	PE96.1600/5A	1600/5A	1.5	142,000
	PE96.2000/5A	2000/5A	1.5	142,000
	PE96.2500/5A	2500/5A	1.5	142,000
	PE96.3000/5A	3000/5A	1.5	142,000
	PE96.3200/5A	3200/5A	1.5	142,000
	PE96.4000/5A	4000/5A	1.5	142,000
	PE96.5000/5A	5000/5A	1.5	142,000
	PE96.6000/5A	6000/5A	1.5	142,000
	PE96.6300/5A	6300/5A	1.5	142,000
	PE.VS			165,000
	PE.AS			165,000

BIẾN ÁP ĐIỀU KHIỂN

Hình ảnh & kích thước	Mã hàng	Tỉ số biến áp (In/Out)	VA	Đơn giá VND (chưa VAT)
	NCTF0025	0-230-415/0-12-24-110V	25	640,000
	NCTF0040	0-230-415/0-12-24-110V	40	710,000
	NCTF0050	0-230-415/0-12-24-110V	50	840,000
	NCTF0075	0-230-415/0-12-24-110V	75	980,000
	NCTF0100	0-230-415/0-12-24-110V	100	1,230,000
	NCTF0150	0-230-415/0-12-24-110V	150	1,390,000
	NCTF0300	0-230-415/0-12-24-110V	300	2,420,000

Điều khoản thương mại

Bảng giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%

Thời gian bảo hành: **18 tháng kể từ ngày giao hàng.**

Trân trọng kính chào.